TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 287/2019/QĐST-HNGĐ	*Thuận An, ngày 04 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 356/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1987; thường trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T; tạm trú: Số nhà 318/17, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương;

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1984; thường trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T; tạm trú: Số nhà 318/17, khu phố B, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn C tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 49/2007, ngày 18/10/2007.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, không quan tâm chăm sóc cho nhau khiến cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn C thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn C có 02 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 21/6/2008 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 12/12/2017. Bà D và ông C thống nhất: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Ông Nguyễn Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3]. Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành của Trung tâm hòa giải – đối thoại tại Tòa án nhân dân thị xã Thuận An không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Xuân T, sinh ngày 21/6/2008 và Nguyễn Thị Bình A, sinh ngày 12/12/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/con, thực hiện cấp dưỡng từ tháng 5/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0034813 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Trúc